

UBND HUYỆN AN DƯƠNG
TRƯỜNG MN AN DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~227~~/KH-MNAD

TT An Dương, ngày 24 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH THU - CHI **Năm học 2022 - 2023**

I. CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị Quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy định về dạy thêm, học thêm; Hướng dẫn số 146/SGDĐT-TTr ngày 14/02/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm;

Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Công văn số 146/SGDĐT-TTr ngày 14/02/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng Hướng dẫn thực hiện quy định về việc dạy thêm học thêm;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND quy định danh mục các khoản thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của Sở Giáo dục & Đào tạo và Sở Tài chính thành phố Hải Phòng hướng dẫn thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Thực hiện công văn số 1890/UBND-PGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc thực hiện các khoản thu - chi năm học 2022 - 2023 trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện;

Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023, Kế hoạch bổ sung trang thiết bị phục vụ bán trú, Kế hoạch chi lương nhân viên nấu ăn - chăm sóc bán trú, dự toán thu - chi của tổ tài chính nhà trường;

Căn cứ vào Biên bản các cuộc họp: Họp cấp ủy, Ban giám hiệu; họp chi bộ; Họp hội đồng sư phạm nhà trường; Họp Ban đại diện cha mẹ học sinh; Họp phụ huynh toàn trường.

Trường mầm non An Dương xây dựng kế hoạch thu - chi năm học 2022 - 2023 Cụ thể như sau:

II. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Thực hiện chủ trương quản lý tốt các khoản thu chi trong cơ sở giáo dục theo đúng quy định. Đồng thời để tăng cường công tác tham mưu phát triển giáo dục mầm non, huy động các nguồn lực phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn

- Xây dựng được môi trường chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng nhà trường xanh-sạch-đẹp, đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng để phục vụ công tác.

- Huy động được sự tham gia của gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, tăng cường cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Căn cứ vào tình hình thực tế điều kiện kinh tế xã hội, mặt bằng thu nhập của gia đình học sinh, xây dựng mức thu (không vượt quá mức quy định trong Nghị quyết 02, Nghị định 81) công khai, thỏa thuận, thống nhất với phụ huynh học sinh.

- Thu-chi đúng các mục theo các văn bản hướng dẫn, quy định của các cấp, thu đủ chi, không điều chuyển nguồn thu này sang chi nội dung chi khác.

Stt	
1	H
2	H
1	T
2	R
3	R
4	C
5	T
6	B
7	Ch
8	Ch
9	Ch
10	Gi

- Dịch vụ quản lý trẻ ngoài giờ do cha mẹ học sinh quyết định và đăng ký với nhà trường. Mức thu không được vượt quá mức trần học phí trong Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Nguồn thu này sẽ phải trích 2% nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Đảm bảo thời gian thu phù hợp, các khoản thu không thu dồn.

III. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Toàn bộ học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường MN An Dương

IV. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU-CHI NĂM HỌC 2022-2023

MỤC I. CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ - HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO

DỤC.

- Tổng số trẻ toàn trường: 483 cháu. Dự kiến số trẻ thực thu tính theo tỷ lệ 85% tổng số trẻ = 410 cháu.

A. Các khoản thu chi theo năm:

1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú:

- Dự kiến mức thu:

+ Đối với học sinh tuyển mới: 360.000 đồng/1 năm học/1 học sinh

+ Đối với học sinh cũ: 200.000 đồng/1 năm học/1 học sinh

- Hình thức thu: thu theo kỳ.

- Dự kiến chi: Chi 100% mua bổ sung trang thiết bị, vật dụng, đồ dùng cá nhân phục vụ bán trú cho học sinh, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Phần thu					98.000.000
1	Học sinh mới	đồng/học sinh/năm học	100 HS	360.000	36.000.000
2	Học sinh cũ	đồng/học sinh/năm học	310 HS	200.000	62.000.000
Phần chi					
1	Tủ úp ca	Chiếc	2	6.300.000	12.600.000
2	Rá inox size đại	Chiếc	2	250.000	500.000
3	Rổ inox size đại	Chiếc	2	250.000	500.000
4	Ca inox uống nước	Chiếc	80	27.000	2.160.000
5	Thùng đựng rác có nắp đậy	Chiếc	5	85.000	425.000
6	Bát inox ăn cơm của trẻ vãn chàm	Chiếc	80	20.000	1.600.000
7	Chiếu cói	Chiếc	30	210.000	6.300.000
8	Chiếu nhựa	Chiếc	30	150.000	4.500.000
9	Chăn	Chiếc	36	260.000	9.360.000
10	Giỏ trần (bánh đa, miến)	Chiếc	1	55.000	55.000

11	Thìa	Chiếc	80	10.000	800.000
12	Bàn chải răng	Chiếc	170	10.000	1.700.000
13	Khăn mặt	Chiếc	1000	5.000	5.000.000
14	Khăn lau	Chiếc	56	20.000	1.120.000
15	Kem đánh răng	Tuyp	120	10.000	1.200.000
16	Tải mút lau khô	Chiếc	2	150.000	300.000
17	Chổi cước quét nhà VS	Chiếc	13	35.000	455.000
18	Cây lau nhà	Chiếc	20	130.000	2.600.000
19	Lược chải đầu	Cái	26	5.000	130.000
20	Xà phòng thơm	Bánh	400	25.000	4.800.000
21	Giấy vệ sinh con rồng	Bịch	400	55.000	22.000.000
22	Xà phòng ô mô (túi 800g)	Túi	135	90.000	12.150.000
23	Nước lau sàn nhà	Lọ	130	30.000	3.900.000
24	Vim vệ sinh	Lọ	130	30.000	3.900.000
25	Túi đựng xà phòng	Chiếc	150	10.000	1.500.000
26	Lưới rửa bát	Chiếc	50	5.000	250.000
27	Búi giáp sắt	Chiếc	20	5.000	100.000
28	Găng tay cao su	Đôi	75	25.000	1.875.000
29	Găng tay trắng (nilong)	Hộp	30	10.000	300.000
30	Găng tay y tế	Bịch	9	50.000	450.000
31	Nước rửa tay	Lọ	18	25.000	450.000
32	Dầu rửa bát	Can	27	100.000	2.700.000
Cộng tổng					102.890.000

2. Vận động tài trợ:

Năm học 2022 - 2023 nhà trường đã xây dựng kế hoạch và được Phòng GD&ĐT ra công văn phê duyệt chủ trường thực hiện vận động tài trợ làm các hạng mục sau: Làm mái vòm che khu vui chơi phát triển thể chất cho trẻ; Sơn sửa lại toàn bộ đồ chơi ngoài trời; Thay mới 6 điều hòa cũ, hỏng cho các lớp. Tổng kinh phí dự toán là 185.000.000đ (Một trăm tám mươi năm triệu đồng) Nhà trường vận động sự tài trợ ủng hộ của các tập thể, cá nhân, các doanh nghiệp, các Phụ huynh học sinh ủng hộ theo tinh thần tự nguyện không ép buộc, không quy định mức tài trợ tối thiểu.

B. Các khoản thu theo tháng

1. Tiền ăn, chất đốt

- Dự kiến mức thu: 26.000 đồng/1 ngày/1 học sinh
- Hình thức thu: thu theo tháng, nhân với số ngày ăn tại trường
- Dự kiến chi: Chi 23.000đ mua thực phẩm để nấu ăn cho học sinh.
3000đ chi chất đốt (Bao gồm gas, điện nấu ăn)

Cụ thể như sau:

Tiền ăn: 23.000đ/ngày/1 HS

STT	Bữa ăn	Mức chi (đồng/ 1 học sinh/ ngày)			
		Mẫu giáo			Nhà trẻ
		5 tuổi	4 tuổi	3 tuổi	
1	Bữa phụ sáng (Sữa bột nutifood)	4.200	4.200	4.200	3.300
2	Bữa trưa	12.500	12.500	12.500	11.500
	Thức ăn mặn	7.587	7.925	8.275	8.325
	Canh	3.500	3.300	3.100	2.500
	Cơm	1.425	1.175	1.125	675
3	Bữa chiều	6.300	6.300	6.300	8.200
	Bánh đa; phở; cháo; chè; xôi; súp...	6.300	6.300	6.300	
	Thức ăn mặn				5.630
	Canh				2.000
	Cơm				570
Tổng cộng		23.000	23.000	23.000	23.000

1.2. Chất đốt(gas, điện)

Căn cứ thực tế vào các thiết bị sử dụng điện phục vụ cho việc nấu ăn tại bếp và lượng gas tiêu thụ hàng ngày cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Mức thu	Thành tiền
Phân thu (Tính 1 tháng)					27.060.000
1	Dự kiến 483 học sinh x 85% chuyên cần = 410 cháu	đồng/học sinh/ngày	410 cháu	3.000/ngày	27.060.000
Phân chi (Tính 1 tháng)					27.975.937
1	Gas nấu ăn				
	(2 bếp gas, 1 tủ cơm gas, 1 tủ sấy khăn gas, 1 nồi cơm gas)	Bình	11	1.630.000	17.930.000

2		Thiết bị điện			
	Tên thiết bị, số w dùng/1h	Thời gian dùng/1ngày (tính theo giờ)	Tổng số điện dùng/tháng (Tính 22 ngày)	Đơn giá/ 1 số điện	Tổng tiền chi trả/tháng
	Trong đó:				10.045.937
1	Tủ sấy bát 2 x 1200 w	4	211	1.913	404.026
2	Tủ lạnh 1 x 90w	24x 30 ngày	65	1.913	123.962
3	Máy xay thịt 1 x 2.5w	4	28	1.913	52.608
4	Máy lọc nước 2 x 100w	4	106	1.913	202.013
5	Nồi cơm điện 2 cái x1200w	4	211	1.913	404.026
6	Tủ đun nước 1 x10.000	6	1.320	1.913	2.525.160
7	Tủ sữa chua 1 x150w	24 x 30	108	1.913	206.040
8	Quạt thông gió 2 x 350w	10	154	1.913	294.602
9	Quạt treo tường 4 x60w	10	55	1.913	105.215
10	Quạt công nghiệp 1 x 1200	10	264	1.913	505.032
11	Tủ nấu cơm 01 cái x10.000w	4	880	1.913	1.683.440
12	Nước nấu ăn, nước uống.	Số nước	195	15.750	3.071.250
13	DV thoát nước 80% (số nước x 80% x 3.240 đ	Số nước	156	3.000	468.000
	TỔN				- 915.937

- Dự kiến mức thu: 3.000 đồng/1 ngày/1 học sinh
- Hình thức thu: thu theo tháng, nhân với số ngày ăn của trẻ tại trường.
- Dự kiến chi: Chi 100% chi trả tiền nhiên liệu phục vụ nấu ăn tại trường.

Tiền điện, nước sinh hoạt hàng tháng nhà trường sẽ cân đối chuyển tiếp ngân sách.

2. Chăm sóc bán trú

2.1. Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý:

- Dự kiến mức thu: 150.000 đồng/1 tháng/1 học sinh

- Hình thức thu: thu theo tháng.

- Dự kiến chi: Chi 100% chi trả bù lương cho người nấu ăn, phục vụ công tác nấu ăn tại trường (bao gồm lương vào tài khoản cá nhân và hỗ trợ đóng bảo hiểm, làm ngoài giờ cho bộ phận nấu ăn, chăm ăn...).

Nhà trường có 10 cô nuôi trực tiếp nấu ăn, 02 nhân viên thực hiện nhiệm vụ tính định lượng khẩu phần ăn, thu tiền ăn hàng tháng và 01 nhân viên lao công phụ công tác nấu ăn tại bếp.

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Thành tiền
Phân thu (Tính 1 tháng)				61.500.000
1	Tổng số HS 483 cháu x 85% chuyên cần = 410 cháu	đồng/ tháng	150.000đ/ 1tháng x 410 HS	61.500.000
Phân chi (Tính 1 tháng)				
1	Chi bù lương cho nhân viên theo mức lương tối thiểu vùng			40.982.480
2	Chi trực trưa thêm giờ cho cán bộ, nhân viên nấu ăn, người chăm ăn (13 người x 1.578.344đ)			20.518.480

2.2. Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính

Theo Luật lao động quy định làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/1 ngày: sáng từ 7h00 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 17h. Để đáp ứng nhu cầu gửi con của phụ huynh, cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường làm việc từ 7h sáng đến 17h chiều. Như vậy CBGV làm thừa giờ mỗi ngày là 2h.

Theo quy định tại Mục 2.2 Nghị quyết 02/2022 của HĐND thành phố quy định mức thu quản lý trẻ ngoài giờ là 10.000 đồng/1 học sinh/1 giờ, tuy nhiên căn cứ tình hình thực tế, thu nhập của phụ huynh học sinh nên nhà trường dự kiến mức thu 5.000 đồng/1h/1 học sinh.

- Hình thức thu: thu theo tháng: Lấy số giờ ngoài giờ hành chính x số ngày đi học. (Tối đa không quá 220.000 đồng/ tháng theo NĐ 81/2021/NĐ chính phủ)

- Dự kiến chi:

+ Nộp thuế 2%

+ 98% chi cho cán bộ, giáo viên trực tiếp quản lý trẻ ngoài giờ.

Stt	Nội dung	ĐVT	Định mức	Thành tiền
Phân thu (Tính 1 tháng)				86.100.000
1	Dự kiến 410 cháu x 21 ngày ở tại trường	đồng/học sinh/giờ	5.000đ/h x2h/1 ngày x21	86.100.000

			ngày/tháng x 410HS	
Phần chi (Tính 1 tháng)				
1	Nộp thuế 2%			1.722.000
2	98% chi cho giáo viên trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý trẻ ngoài giờ hành chính.			84.378.000

MỤC II. CÁC KHOẢN THU THEO QUY ĐỊNH

1. Học phí

Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính Phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị Quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Nhà trường không thu học phí từ học sinh. Mỗi kỳ căn cứ theo số học sinh đi học thực tế, thành phố sẽ hỗ trợ về nhà trường với mức hỗ trợ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

- Mức chi: 40% cải cách tiền lương; 60% chi hoạt động chuyên môn và cải tạo cơ sở vật chất. (Trong đó 25% chi cho CSVC; 35% chi cho các HĐ chuyên môn).

MỤC III. CÁC KHOẢN THU HỘ - CHI HỘ

1. Bảo hiểm toàn diện:

- Theo yêu cầu của phụ huynh HS đăng ký mua bảo hiểm, không bắt buộc.

2. Đồng phục học sinh:

- Phụ huynh đăng ký may đồng phục cho các con theo nhu cầu.

MỤC IV. Đồ dùng, học liệu giáo dục:

- Nhà trường căn cứ vào quy định tại Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020; Hội đồng trường họp, thống nhất lựa chọn danh mục đồ dùng đồ chơi, nguyên học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non theo yêu cầu thực hiện chương trình GDMN của từng độ tuổi.

- Gửi danh mục và thỏa thuận để phụ huynh mua sắm, trang bị đồ dùng, nguyên liệu cho các con.

MỤC V. QUỸ BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH.

Nhà trường thành lập Ban đại diện CMHS nhà trường, các lớp thành lập Ban đại diện CMHS của lớp theo quy định tại Thông tư 55/TT-BGDĐT.

Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp vận động PH ủng hộ kinh phí hoạt động Ban đại diện của lớp trên tinh thần tự nguyện, không quy định mức thu.

Sau đó Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp trích một phần kinh phí từ nguồn kinh phí hoạt động Ban đại diện của lớp về Ban đại diện CMHS nhà trường.

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS nhà trường và các lớp được chi theo quy định tại Thông tư 55/TT-BGDĐT: Thăm hỏi HS ốm, tổ chức các ngày hội ngày lễ cho trẻ, thưởng danh hiệu bé giỏi ngoan, quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong các ngày hội, lễ....

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lập dự toán chi tiết các khoản thu-chi, đảm bảo thực hiện đúng quy định, thu đủ chi. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy định rõ ràng chế độ, định mức chi.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 -2023. Lập Kế hoạch công việc và lập dự trù kinh phí chi tiết để thực hiện.

- Thống nhất chủ trương và kế hoạch triển khai trong cấp ủy- Ban giám hiệu, chi bộ, Hội đồng nhà trường và Ban đại diện Cha mẹ học sinh, phụ huynh học sinh, lấy ý kiến thống nhất các khoản thu qua các cuộc họp có biên bản họp cụ thể.

2. Báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện An Dương, Đảng ủy-HĐND-UBND thị trấn An Dương.

3. Thông qua cha mẹ học sinh và lấy ý kiến đóng góp của PHHS các cuộc họp đầu năm học.

4. Niêm yết công khai dự toán, báo cáo quyết toán kinh phí đã huy động và kết quả thực hiện theo từng đợt.

5. Tất cả các khoản thu đều nộp kho bạc nhà nước và ngân hàng tài chính. Không sử dụng nguồn thu này cho nhiệm vụ chi khác.

- Các nguồn được hạch toán theo nguyên tắc tài chính, có chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

Trên đây là kế hoạch dự kiến kế hoạch thu - chi của trường mầm non An Dương năm học 2022 - 2023. Kính mong nhận được sự tư vấn, chỉ đạo, định hướng của lãnh đạo các cấp để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện;(Đề b/c)
- Đảng ủy-HĐND-UBND TT;(Đề b/c)
- Ban đại diện CMHS-CBGVNV;(Đề t/h)
- Lưu VT.

UBND THỊ TRẤN AN DƯƠNG



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thùy

T.M BAN ĐẠI DIỆN CMHS

Phạm Thị Tuyết



Phạm Thị Thoa